

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 469/QĐ-BCT ngày 05/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực xúc tiến thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1372/QĐ-BCT ngày 05/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới được ban hành và sửa đổi,

bổ sung trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong về việc, công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 29/TTr-SCT ngày 12/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024 và thay thế Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 14/7/2023; Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 23/11/2023; Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 22/4/2024; Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 22/4/2024; Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các phòng, TT;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT
CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức DVC
I	LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ						
1	2.001434. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương).</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thi công, phá dỡ công trình: 4.000.000 đồng/giấy phép - Cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm thăm dò khai thác trên đất liền: 3.500.000 đồng/giấy phép	- Luật quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017 - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ và tiền chất thuốc nổ - Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc	Toàn trình

2	2.001433. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i> .	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thi công, phá dỡ công trình: 2.000.000 đồng/giấy phép; trong trường hợp thay đổi về địa điểm, quy mô hoặc điều kiện sử dụng: 4.000.000 đồng/giấy phép. - Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm thăm dò khai thác trên đất liền: 1.750.000 đồng/giấy phép; trong trường hợp thay 	<ul style="list-style-type: none"> nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; - Thông tư số 31/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp. - Thông tư số 148/2016/TT-BCT ngày 14/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. 	Toàn trình
---	----------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------

					đổi về địa điểm, quy mô hoặc điều kiện sử dụng: 3.500.000 đồng/giấy phép.	
3	1.003401. 000.00.00.H10	Thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i> .	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Toàn trình
4	2.000229. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 05 ngày làm việc so với</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ	Không	Toàn trình

		thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	<i>quy định của Trung ương)</i>	phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
5	2.000210. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 01 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Toàn trình
II	LĨNH VỰC HÓA CHẤT						
6	2.001547. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 08 ngày làm việc so với</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ	1.200.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và	Toàn trình

		điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	<i>quy định của Trung ương)</i>	phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;	
7	2.001175. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	600.000 đồng	- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	Toàn trình
8	2.001172. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 10 ngày làm việc so với</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận	600.000 đồng		Toàn trình

		điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	quy định của Trung ương)	của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
9	1.002758. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	-12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt tại sở chính. -15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở kinh doanh hóa	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.200.000 đồng		Toàn trình

			chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt tại trụ sở chính.			
10	2.001161. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	600.000 đồng	Toàn trình
11	2.000652. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (<i>Đã cắt giảm</i>)	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích	600.000 đồng	Toàn trình

		hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	<i>10 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
12	1.011506. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt tại sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.200.000 đồng		Toàn trình

			đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt tại sở chính.			
13	1.011507. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 10 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	600.000 đồng	Toàn trình
14	1.011508. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy	05 ngày làm việc kể từ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng	600.000 đồng	Toàn trình

		chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 10 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
III	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP NẶNG						
15	1.001158. 000.00.00.H10	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 30 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	-Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; - Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 của Bộ Công Thương quy định trình tự thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển. - Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 23/11/2021 của Bộ	Toàn trình

		ngiệp nhỏ và vừa				Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 quy định trình tự, thủ tục, xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với các Dự án sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.	
IV	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG						
16	2.000331. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; - Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; - Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 	Toàn trình

						<p>của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;</p> <p>- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu</p> <p>- Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu</p>	
V	LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ						
17	2.000046. 000.00.00.H10	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hoá nhóm 2	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ	Không	- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP	Toàn trình

		phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	<i>việc so với quy định của Trung ương)</i>	trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		<p>ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 41/2023/TT-BCT ngày 28/12/2023 của Bộ Công Thương ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương</p> <p>- Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày</p>	
--	--	------------------------------------------	---------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------	--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

						<p>12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 Quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.</p>	
VI	LĨNH VỰC ĐIỆN						
18	2.001561. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép hoạt động Tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền của địa phương	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 07 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	800.000 đồng	<p>- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;</p>	Toàn trình

19	2.001632. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động Tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền của địa phương	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	400.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. 	Toàn trình
20	2.001617. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 3MW đặt tại địa phương	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 07 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	2.100.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực; - Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông 	Toàn trình

21	2.001549. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.050.000 đồng	<p>tư 21/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực;</p> <p>- Thông tư số 106/2020/TT-BTC ngày 08/12/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực;</p> <p>- Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 10 /5/2021 của UBND tỉnh về việc Ủy quyền cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh.</p>	Toàn trình
22	2.001535. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương.	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 07 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	700.000 đồng		Toàn trình

23	2.001266. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	350.000 đồng		Toàn trình
24	2.001249. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương.	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 07 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	800.000 đồng		Toàn trình

25	2.001724. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	400.000 đồng		Toàn trình
26	2.000621. 000.00.00.H10	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 01 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012; - Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; - Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 	Toàn trình

27	2.000643. 000.00.00.H10	Cấp lại thẻ an toàn điện	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 03 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện. - Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện. - Thông tư số 13/2022/TT-BCT ngày 25 tháng 8 năm 2022 Bãi bỏ khoản 6 Điều 7 Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.	Toàn trình
28	2.000638. 000.00.00.H10	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 03 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện. - Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện. - Thông tư số 13/2022/TT-BCT ngày 25 tháng 8 năm 2022 Bãi bỏ khoản 6 Điều 7 Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.	Toàn trình
VII	LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN						

29	2.001640. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP).	<p>- Đối với các hoạt động: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; (Xây dựng công trình ngầm: 17 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với hoạt động xả nước thải vào</p>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<p>- Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội;</p> <p>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;</p> <p>- Nghị định 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</p> <p>- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.</p> <p>- Nghị định 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 67/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thủy lợi</p> <p>- Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ</p>	Toàn trình
----	----------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------

			<p>công trình thủy điện: 21 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với hoạt động trồng cây lâu năm: 07 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với hoạt động: Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ; Nuôi trồng thủy sản; Nông nghiệp và các hoạt động gây nông khác: 10 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với hoạt động của phương</p>			<p>Công Thương quy định về quản lý án toàn đập, hồ chứa thủy điện</p>	
--	--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	-----------------------------------------------------------------------	--

			tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ: 05 ngày làm việc.			
30	2.001607. 000.00.00.H10	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Toàn trình

		định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP).					
31	2.001587. 000.00.00.H10	Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy	-Đối với hoạt động: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xả nước	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Toàn trình

		<p>định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP).</p>	<p>thải vào công trình thủy điện, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ; Xây dựng công trình ngầm: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với hoạt động: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới: Trong thời hạn 04 ngày</p>				
--	--	----------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

			<p>làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Đối với hoạt động: Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ; Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>				
32	2.001322.000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy	21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích	Không		Toàn trình

		điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	<i>09 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
33	2.001292. 000.00.00.H10	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 09 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện. - Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện. 	Toàn trình
34	2.001313. 000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 07 ngày làm</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ	Không		Toàn trình

		vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	<i>việc so với quy định của Trung ương)</i>	trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
35	2.001300.000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 06 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Toàn trình
36	2.001384.000.00.00.H10	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 05 ngày làm</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ	Không	Toàn trình

		đập thủy điện	<i>việc so với quy định của Trung ương)</i>	trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh				
VIII	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM							
37	2.000591. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 05 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- 1.000.000 đồng/lần/cơ sở (đối với cơ sở kinh doanh); - 2.500.000 đồng/ lần/cơ sở (đối với cơ sở sản xuất); - 2.500.000 đồng/ lần/cơ sở (đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh).	- Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn	Toàn trình	
38	2.000535. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ	- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;	*Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí		Toàn trình	

		<p>điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện</p>	<p>chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản</p>	<p>qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>địa lý của địa điểm kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 1.000.000 đồng/ lần/cơ sở (đối với cơ sở kinh doanh); 2.500.000 đồng/ lần/cơ sở (đối với cơ sở sản xuất); 2.500.000 đồng/ lần/cơ sở (đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh).</p> <p>* Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng ; cấp lại do cơ sở có</p>	<p>thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.</p> <p>- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.</p>	
--	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

			xuất; mặt hàng kinh doanh; cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ mặt hàng kinh doanh; cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Không		
IX	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC						
39	2.001646.000.00.00.H10	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 05 ngày làm việc so với</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ	2.200.000 đồng	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định	Toàn trình

			<i>quy định của Trung ương)</i>	phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.	
40	2.001636. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	2.200.000 đồng.		Toàn trình
41	2.001630. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận	2.200.000 đồng.		Toàn trình

			<i>quy định của Trung ương)</i>	của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
42	1.010696. 000.00.00.H10	Cấp giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 01 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	-Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một	Toàn trình
43	2.000674. 000.00.00.H10	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 20 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công	- Tại các thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng; - Tại các huyện: 600.000 đồng;		Toàn trình

		Công Thương		Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.	
44	2.000666. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 27 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. - Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy chứng nhận thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.	Toàn trình
45	2.000664. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 25 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại	- Đối với cấp lại do bị mất, bị cháy, bị rách...: Không - Đối với cấp lại khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: + Tại các thị xã, thành phố:		Toàn trình

		Công Thương	- Đối với cấp lại khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.200.000 đồng; + Tại các huyện: 600.000 đồng;	
46	2.000673. 000.00.00.H10	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 20 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Tại các thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng; - Tại các huyện: 600.000 đồng;	Toàn trình
47	2.000669. 000.00.00.H10	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Toàn trình

		làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	27 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)	hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
48	2.000672. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Đã cắt giảm 25 ngày làm việc so với quy định của Trung ương) - Đối với cấp lại khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Đối với cấp lại do bị mất, bị cháy, bị rách...: Không - Đối với cấp lại khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: + Tại các thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng; + Tại các huyện: 600.000 đồng;	Toàn trình

49	2.000648. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 20 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Tại các thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng; - Tại các huyện: 600.000 đồng;		Toàn trình
50	2.000645. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 27 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Toàn trình

51	2.000647. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 25 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i> -Đối với cấp lại khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Đối với cấp lại do bị mất, bị cháy, bị rách...: Không - Đối với cấp lại khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: + Tại các thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng; + Tại các huyện: 600.000 đồng;		Toàn trình
52	2.000190. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 07 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại	- Tại các thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng; - Tại các huyện: 600.000 đồng;	- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống	Toàn trình

				Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;	
53	2.000176. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 12 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực	Toàn trình
54	2.000167. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	-Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục	* Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực: + Khu vực thị xã, thành phố : 1.200.000 đồng/điểm kinh		Toàn trình

			<p>- Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>doanh/lần thẩm định + Khu vực các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định * Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: Không</p>	<p>quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;</p>	
55	2.000626.000.00.00.H10	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	<p>07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Đã cắt giảm 03 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</p>	<p>Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại</p>	<p>- Tại thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại khu vực huyện: 600.000 đồng/điểm kinh</p>	<p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương</p>	Toàn trình

				Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	doanh/lần thẩm định	mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.	
56	2.000622. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	<p>-Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>-Trường hợp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>-Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:</p> <p>+ Khu vực thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng</p> <p>+ Khu vực các huyện: 600.000 đồng</p> <p>-Trường hợp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: Không</p>		

57	2.000204. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 12 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Toàn trình
58	2.001624. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 07 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tại thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại khu vực huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc 	Toàn trình

59	2.000636. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	<p>-Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>-Trường hợp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>* Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:</p> <p>- Khu vực thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định</p> <p>- Khu vực các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định</p> <p>*Trường hợp cấp lại do bị mất hoặc bị hỏng giấy phép: Không</p>	<p>lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.-</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.</p>	Toàn trình
60	2.001619. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung	03 ngày làm việc kể từ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng	Không		Toàn trình

		Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (<i>Đã cắt giảm 04 ngày làm việc so với quy định của Trung ương</i>)	dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
61	1.001005. 000.00.00.H10	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (<i>Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương</i>)	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	-Luật Giá số 11/2012/QH13; - Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; - Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;	Toàn trình
62	2.000459. 000.00.00.H10	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai	01 ngày làm việc kể từ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;	Không	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Toàn trình

		giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		- Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.		
X	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ							
63	2.000073. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 05 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Tại thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại khu vực huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	-Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá,	Toàn trình	
64	2.000207. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;	Không		Toàn trình	

		điều kiện trạm nạp LPG vào chai	hồ sơ hợp lệ (<i>Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương</i>)	qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.	
65	2.000201. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (<i>Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương</i>)	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Toàn trình
66	2.000194. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu	- Tại thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh		Toàn trình

		LPG vào xe bồn	<i>(Đã cắt giảm 05 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	doanh/lần thăm định - Tại khu vực huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định	
67	2.000187. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Toàn trình
68	2.000175. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Toàn trình

		LPG vào xe bồn	02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)	hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
69	2.000196. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Đã cắt giảm 05 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Tại thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại khu vực huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Toàn trình
70	1.000425. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Đã cắt giảm 02 ngày làm	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ	Không	Toàn trình

		phương tiện vận tải	<i>việc so với quy định của Trung ương)</i>	trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
71	2.000180. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Toàn trình
72	2.000387. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 05 ngày làm việc so với</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ	- Tại thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Toàn trình

			<i>quy định của Trung ương)</i>	phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Tại khu vực huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	
73	2.000376. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Toàn trình
74	2.000371. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận	Không	Toàn trình

			<i>quy định của Trung ương)</i>	của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
75	2.000163. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 05 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Tại thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại khu vực huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Toàn trình
76	1.000444. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công	Không	Toàn trình

				Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
77	2.000211. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		
78	2.000142. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 07 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại	- Tại các thị xã, thành phố: + Đối với doanh nghiệp: 1.200.000 đồng; + Đối với Hộ kinh doanh: 400.000 đồng		

				Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	-Tại các huyện: + Đối với doanh nghiệp: 600.000 đồng; + Đối với Hộ kinh doanh: 200.000 đồng	
79	2.000136. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 03 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	
80	2.000078. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 04 ngày làm</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ	Không	Toàn trình

		doanh mua bán LPG	<i>việc so với quy định của Trung ương)</i>	trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
81	2.000166.000.00.00.H10	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 05 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tại các thị xã, thành phố: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với doanh nghiệp: 1.200.000 đồng; + Đối với Hộ kinh doanh: 400.000 đồng - Tại các huyện: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với doanh nghiệp: 600.000 đồng; + Đối với Hộ kinh doanh: 200.000 đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh 	Toàn trình

82	2.000156. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 03 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.	Toàn trình
83	2.000390. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 04 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Toàn trình

84	2.000354. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 05 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tại các thị xã, thành phố: + Đối với doanh nghiệp: 1.200.000 đồng; + Đối với Hộ kinh doanh: 400.000 đồng - Tại các huyện: + Đối với doanh nghiệp: 600.000 đồng; + Đối với Hộ kinh doanh: 200.000 đồng 		Toàn trình
85	2.000279. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 03 ngày làm việc so với</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận	Không		Toàn trình

			<i>quy định của Trung ương)</i>	của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
86	1.000481. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 04 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Toàn trình
XI	LĨNH VỰC DẦU KHÍ						
87	2.000453. 000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 20 ngày làm việc so với</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận	Không	- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày	Toàn trình

		công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m ³ đến dưới 5.000m ³	<i>quy định của Trung ương)</i>	của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; - Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công thương : Quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng; - Thông tư số 34/2017/TT-BCT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013.	
88	2.000433. 000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 20 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công	Không	-Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công thương : Quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng	Toàn trình

		kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³		Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng; - Thông tư số 34/2017/TT-BCT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013.	
89	2.000427. 000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 20 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Toàn trình
XII	LĨNH VỰC QUẢN LÝ BÁN HÀNG ĐA CẤP						
90	2.000309. 000.00.00.H10	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 07 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công	Không	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; - Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số	Toàn trình

				Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp	
91	2.000631. 000.00.00.H10	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 04 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Toàn trình
92	2.000619. 000.00.00.H10	Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 07 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại	Không		Toàn trình

				Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
93	2.000609. 000.00.00.H10	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 04 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Toàn trình
XIII	LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG						
94	2.000191. 000.00.00.H10	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của địa phương	30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và có thể được gia hạn thêm tối đa không quá 30 ngày trong	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại	Không	Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Toàn trình

			trường hợp phức tạp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh				
XIV	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ							
95	2.000063. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 05 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 (ba triệu) đồng	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	Toàn trình	
96	2.000450. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại	*Trường hợp cấp lại như chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc khu vực	- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại	Toàn trình	

				<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác: 1.500.000 đồng.(một triệu năm trăm nghìn đồng) *Trường hợp cấp lại theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức: Không</p>	<p>diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.</p>	
--	--	--	--	-----------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------	--

97	2.000347. 000.00.00.H10	Cấp Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.500.000 đồng		Toàn trình
98	2.000314. 000.00.00.H10	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Toàn trình

99	2.000327. 000.00.00.H10	Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.500.000 đồng		Toàn trình
100	2.000255. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 03 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt 	Toàn trình

101	2.000370. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 08 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Toàn trình
102	2.000362. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo;	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 08 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục	Không		Toàn trình

		đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí		vụ hành chính công tình			
103	2.000351. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 08 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			Toàn trình
104	2.000340. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích	Không		Toàn trình

		vốn đầu tư nước ngoài	<i>02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
105	2.000330. 000.00.00.H10	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 08 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Toàn trình
106	2.000272. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 07 ngày làm</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ	Không	Toàn trình

		bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	<i>việc so với quy định của Trung ương)</i>	trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
107	2.000361.000.00.00.H10	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 07 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Toàn trình
108	1.000774.000.00.00.H10	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Toàn trình

		nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	<i>20 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
109	2.000339. 000.00.00.H10	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Toàn trình

110	2.000334. 000.00.00.H10	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Toàn trình
111	2.000322. 000.00.00.H10	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu	Không		Toàn trình

		nhất không nằm trong trung tâm thương mại	<i>(Đã cắt giảm 06 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
112	2.002166. 000.00.00.H10	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 20 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	
113	2.000665. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu	Không	

			<i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
114	1.001441. 000.00.00.H10	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
115	2.000662. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Toàn trình

		được tiếp tục hoạt động	20 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)	hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
XV	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH THƯƠNG MẠI						
116	1.005190. 000.00.00.H10	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại - Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về dịch vụ giám định thương mại tại Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006.	Toàn trình
117	2.000110. 000.00.00.H10	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Đã cắt giảm	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12 tháng 01 năm	Toàn trình

			<i>02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.	
XVI	LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI						
118	2.000004. 000.00.00.H10	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Thương mại; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;	Toàn trình
119	2.000002. 000.00.00.H10	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;	Không		Toàn trình

		<p>dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</p>	<p>hồ sơ hợp lệ (<i>Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương</i>)</p>	<p>qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>		
120	2.000131.000.00.00.H10	<p>Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam</p>	<p>03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (<i>Đã cắt giảm 04 ngày làm việc so với quy định của Trung ương</i>)</p>	<p>Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục</p>	Không	Toàn trình

				vụ hành chính công tỉnh			
121	2.000001. 000.00.00.H10	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 04 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Toàn trình
122	2.000033. 000.00.00.H10	Thông báo hoạt động khuyến mại	0	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục	Không		Toàn trình

				vụ hành chính công tỉnh			
123	2.001474. 000.00.00.H10	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	0	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Toàn trình
124	2.002604. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; 40 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ trong trường hợp phải xin ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục	Không	-Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương. - Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật	Toàn trình

				vụ hành chính công tỉnh		Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương	
125	2.002605. 000.00.00.H10	Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Toàn trình
126	2.002606. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	- 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 của Điều 1 Nghị	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục	Không	Toàn trình	

			<p>định số 14/2024/NĐ-CP - 26 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 của Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP</p>	<p>vụ hành chính công tỉnh</p>			
127	2.002607.000.00.00.H10	<p>Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước</p>	<p>14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công</p>	Không		<p>Toàn trình</p>

		ngoài tại Việt Nam		Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
128	2.002608. 000.00.00.H10	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	37 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Toàn trình
XVII	LĨNH VỰC NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ						
129	1.012471. 000.00.00.H10	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ	90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Công	Không	Nghị định số 43/2024/NĐ-CP ngày 19/4/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ	Toàn trình

		nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh		Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
--	--	----------------------------	--	---------------------------------------------------	--	--	--

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức DVC
I	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ						
1	2.001283.000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 05 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Tại các thị xã, thành phố: + Đối với doanh nghiệp: 1.200.000 đồng; + Đối với Hộ kinh doanh: 400.000 đồng - Tại các huyện: + Đối với doanh nghiệp: 600.000 đồng; + Đối với Hộ kinh doanh: 200.000 đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ 	Toàn trình

2	2.001270. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	Không	phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.	Toàn trình
3	2.001261. 000.00.00.H10	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 02 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	Không		Toàn trình
II	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC						
4	2.000633. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép sản	10 ngày làm việc kể	Thực hiện trực tuyến trên Cổng	1.100.000 đồng	-Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của	Toàn trình

		xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện		Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.	
5	2.000629. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	1.100.000 đồng		Toàn trình
6	1.001279. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	1.100.000 đồng		Toàn trình

7	2.000620. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Công dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Tại thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 		Toàn trình
8	2.001240. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Công dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận hết hạn: + Tại thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng: Không 		Toàn trình

9	2.000615. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	Không		Toàn trình
10	2.000181. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 05 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Tại thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; 	Toàn trình
11	2.000162. 000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ- 	Toàn trình

			<i>giảm 05 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện		CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương,	
12	2.000150. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 05 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận hết hạn: + Tại thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng: Không	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số	Toàn trình

						<p>57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.</p>	
III	LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦ ĐIỆN CẤP HUYỆN						
13	2.000599. 000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (<i>Đã cắt giảm 06</i>)	Thực hiện trực tuyến trên Công dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận	Không	<p>- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội.</p> <p>- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ</p>	Toàn trình

		hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	<i>ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	của UBND cấp huyện		chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện. - Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý án toàn đập, hồ chứa thủy điện.	
14	1.000473. 000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 06 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	Không		Toàn trình
IV	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG						
15	2.002096. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công	30 ngày làm việc kể từ ngày	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu	Không	- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;	Toàn trình

		<p>ngiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện</p>	<p>nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; - Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương; - Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; - Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Điều 	
--	--	--------------------------------------------------------	---------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

						của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.	
V	LĨNH VỰC CỤM CÔNG NGHIỆP						
16	1. 012427. 000.00.00.H10	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	57 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 43/2024/NĐ-CP ngày 19/4/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ	Toàn trình

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức DVC
I	LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẠP, HỒ CHỨA THỦ ĐIỆN CẤP XÃ						

1	2.000206. 000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 06 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện. 	Toàn trình
2	2.000184. 000.00.00.H10	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(Đã cắt giảm 06 ngày làm việc so với quy định)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện. 	Toàn trình

		nhân dân cấp xã	<i>của Trung wong)</i>				
II	LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG						
3	2.002620. 000.00.00.H10	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp xã	Không	Nghị định số 55/2024/NĐ- CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Toàn trình

***Ghi chú:** Nội dung TTHC cụ thể công bố tại Quyết định này được thực hiện theo nội dung đã được Bộ Công Thương công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (<https://dichvucong.binhphuoc.gov.vn>) theo quy định.